



SỰ TIẾP BIẾN VĂN HÓA QUA NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC TRANG TRÍ LĂNG CÁC BÀ HOÀNG THỜI NGUYỄN TẠI HUẾ

Trần Thị Hoài Diễm*

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế, 10 Tô Ngọc Vân, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa – mỹ thuật là một nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước. Trong suốt thời gian tồn tại của mình, triều Nguyễn đã để lại cho hậu thế một di sản kiến trúc văn hóa đồ sộ, không những trên các kiến trúc cung đình và lăng tẩm của nhà vua mà còn ở các lăng của các bà hoàng. Bài báo trình bày về nguồn gốc, cách thức, nguyên liệu và biểu hiện của các motif chạm khắc ở các lăng của các bà hoàng thời Nguyễn. Tác giả cũng phân tích và so sánh các nét tương đồng và dị biệt trên các lăng tại Huế và các lăng ở miền Bắc và chỉ ra sự giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa các vùng miền của đất nước. Qua đó, tác giả gợi mở những vấn đề mới trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản mỹ thuật truyền thống của dân tộc.

Từ khóa: bà hoàng, chạm khắc, mỹ thuật, thời Nguyễn, tiếp biến văn hóa

1. Mở đầu

Văn hóa dân tộc Việt Nam trường tồn qua mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước là nhờ các thế hệ cha ông đã biết giữ lại những gì thuộc về tinh hoa, tinh túy của dân tộc, đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tiên bộ của bên ngoài. Trong bối cảnh hiện nay, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là làm giàu sức mạnh nội sinh cho đất nước. Bảo tồn các giá trị di sản văn hóa dân tộc, theo nghĩa chung nhất, được hiểu là những nỗ lực của mỗi cá nhân và cộng đồng nhằm lưu giữ và kế thừa những giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc Việt Nam. Trong những giá trị văn hóa kết tụ quý giá đó có mỹ thuật nói chung và mỹ thuật thời Nguyễn nói riêng – đã và đang được bảo tồn, phát huy, bước đường đó đang tiếp tục tạo nên năng lực nội sinh, là động lực cho sự phát triển mọi mặt ở Cố đô Huế.

Vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa – mỹ thuật của Việt Nam nói chung và Cố đô Huế nói riêng luôn là hai mặt của một vấn đề trong xây dựng và phát triển đời sống văn hóa tinh thần ở vùng đất kinh đô. Trong bài báo này, chúng tôi tiếp cận quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ở Huế từ góc nhìn tiếp biến văn hóa, với sự soi chiếu của các biểu tượng mỹ thuật nói chung cùng những giá trị nghệ thuật chạm khắc trang trí lăng của các bà hoàng nói

*Liên hệ: hoaidiemtran@yahoo.com

Nhận bài: 18-5-2020; Hoàn thành phản biện: 20-7-2020; Ngày nhận đăng: 30-9-2020

riêng, mà giờ đây những giá trị ấy đã trở thành một phần Di sản Văn hóa thế giới được UNESCO công nhận.

2. Nội dung

2.1. Sự tiếp biến là một tất yếu trong đời sống văn hóa xứ Huế

Trong mối quan hệ với khu vực, Việt Nam là quốc gia với các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, mang đặc trưng văn hóa lúa nước, gắn với nông thôn, nông nghiệp trải suốt chiều dài lịch sử. Trong dòng chảy văn hóa mỹ thuật, sự tiếp biến còn gắn chặt với yếu tố địa văn hóa và từ đó làm hiện lên diện mạo rõ nét và sâu sắc các giá trị văn hóa của mỗi vùng miền. Sự tiếp biến văn hóa là một nội dung và phương pháp soi chiếu văn hóa mỹ thuật cung đình thời Nguyễn đã được áp dụng rất sớm ở Huế khi Cadiere cho ra đời tập san B.A.V.H (Bulletin des amis du Vieux Hue) vào năm 1914. Về sau, góc nhìn tiếp biến văn hóa được vận dụng khá nhiều trong các tài liệu, bài nghiên cứu và sách tham khảo của những năm 60–70 và tài liệu tiếng Anh, Pháp những năm 80–90 của thế kỷ XX. Nhiều nội dung được các nhà nghiên cứu vận dụng để lý giải những vấn đề có tính cơ bản trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Những nét riêng, bản sắc, đặc trưng của nghệ thuật dân tộc Việt Nam nói chung và nghệ thuật chạm khắc thời Nguyễn là có sự tiếp nối, chuyển hóa, tiếp biến từ nghệ thuật chạm khắc trang trí ở Kinh Bắc và với Huế là dấu ấn nghệ thuật trang trí sơn son thếp vàng, hoa văn hoa dây mang phong cách thời Hậu Lê. Sự tiếp biến còn in đậm tố chất Champa trong các họa tiết hoa văn bệ thờ chân quỳ, hoa văn sóng dây, hoa văn hoa lá lật, hoa sen trên các chất liệu như đất nung, đá... Đồng thời, về sau còn có những hình lá lật, hoa văn đan xen đa chiều có phần hơi rời rạc, hoa mỹ là từ phong cách nghệ thuật Rococo rất quen thuộc của phương Tây muộn mà trực tiếp là ảnh hưởng của mỹ thuật Pháp thế kỷ XIX. Góc nhìn văn hóa mỹ thuật Huế được khởi đầu từ các nhà nghiên cứu, từ sự tiếp biến địa văn hóa có ý nghĩa định hướng trong nhận thức thẩm mỹ, trong đặc điểm, phong cách tạo hình trang trí của một giai đoạn gần 150 năm của thời kỳ nhà Nguyễn.

Với sự hiện tồn của Quần thể di tích Huế – Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận vào năm 1993 thì yếu tố địa văn hóa Huế càng được in đậm rõ nét và góp phần làm phong phú thêm cho những khái niệm văn hóa vùng Thuận Hóa – xứ Huế, hay tên cổ mà người Champa đặt là Ô – Rí (châu Ô, châu Rí). Đó là quá trình dài lâu mà: “Chúng ta không quên một giai đoạn lịch sử tế nhị và phức tạp của dân tộc trong những năm đầu thế kỷ XIV trong mối quan hệ với vương quốc Champa, cũng như không quên lớp người Việt về Nam trong tâm trạng náo nức mở cõi... trong nỗi buồn xa xứ và những ngõ ngàng của di sản văn hóa được kế thừa” [2, Tr. 18]. Sự tiếp biến văn hóa cũng là cơ sở để tiếp cận, giải hóa một số hình tượng trong chạm khắc ở lăng tẩm Huế nói chung và lăng các bà hoàng như một số hình tượng khác biệt: con chuồn chuồn, con chuột, con voi, ngựa, cây chuối... vừa mang tinh thần bản địa bình dị

vừa kết nối vào mạch tiếp biến văn hóa của khu vực nói chung và mỹ thuật thời Nguyễn nói riêng.

Rất nhiều kết nối, tương tác và phản ánh đã góp phần lý giải rõ nét hơn về mối quan hệ bền lâu, tương tác và giao lưu văn hóa giữa các vùng miền và khu vực tự động trong không gian văn hóa Huế. Việt Nam có thể được xem là một Đông Nam Á thu nhỏ về văn hóa cảnh quan và mối quan hệ giữa chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa. Cư dân chủ yếu sống bằng nghề nông, trồng lúa nước, vì vậy yếu tố *văn hóa làng* giữ vai trò chủ đạo trong việc chi phối tính cách dân tộc và hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Nhìn lại dòng chảy nghệ thuật dân tộc, khi được đặt trong không gian, điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam thế kỷ XIX mới hiểu rõ hơn kết quả tất yếu của giao thoa văn hóa, tiếp thu và cải biến các giá trị văn hóa mẫu mực và kinh điển trong mỹ thuật thời Nguyễn. Những yếu tố, phong cách và thuộc tính thẩm mỹ Trung Hoa, Champa và Đại Việt thời Lý – Trần – Hậu Lê cùng với tiếp biến từ văn hóa Pháp từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đã chỉ ra sự xuất hiện và tồn tại khách quan, mạnh mẽ, đa dạng và tất yếu của nhiều họa tiết, đề tài và kiểu thức trang trí thời Nguyễn, mà nổi bật với những nét độc đáo, có giá trị là ở nghệ thuật chạm khắc trang trí tại lăng các bà hoàng.

2.2. Giá trị nghệ thuật của một quá trình tiếp biến văn hóa

Sự tiếp biến văn hóa được nhận ra rõ nét qua những hiện tượng thẩm mỹ nghệ thuật độc đáo trong chạm khắc tại lăng của các bà hoàng thời Nguyễn. Một trường hợp điển hình cho việc lý giải hiện tượng trang trí chạm rồng 5 móng tại lăng Hiếu Đông (vợ vua Minh Mạng, mẹ vua Thiệu Trị) và lăng của một số bà hoàng khác trong thời Nguyễn cũng có dấu hiệu kín đáo về rồng 5 móng dường như được hoa văn hóa, motif hóa. Điều đó thật khác biệt khi trong điển lệ ghi rõ rồng 5 móng chỉ dành cho trang trí, tạo hình các công trình kiến trúc, đồ dùng, vật dụng trực tiếp của vua. Đối với dân thường thì đó là sự khi quân với những hình phạt rất nặng, từng được cổ sử ghi chép. Như vậy, quá trình tiếp biến văn hóa đã tạo nên sự gợi mở, định hướng và tính “động” rất linh hoạt trong việc trang trí tại lăng các bà hoàng thời Nguyễn. Sự tiếp biến văn hóa in dấu vào nghệ thuật trang trí ở lăng các bà hoàng cũng biểu hiện sự khác biệt rõ nét hơn ở lăng các vua, một phần bởi tư duy của người thợ/phường thợ có phần “cởi mở, bay bổng” hơn. Một ví dụ khác là hình tượng đôi ống sáo và đôi ống bút thuộc bộ bát bửu trong chạm khắc huyền cung lăng Lệ Thiên Anh. Đây là khởi nguyên của sự tiếp biến của mẫu thức mỹ thuật cổ phương Đông và được Việt hóa trong quá trình tiếp nhận và pha trộn đầy chủ định trong mỹ thuật thời Nguyễn. Từ chức năng là những hình tượng gắn với nam nhi quân tử mong muốn học hành đỗ đạt và địa vị cao quý thì giờ đây đôi ống bút, đôi ống sáo ở chạm khắc đá lăng Lệ Thiên Anh là sự khiêm nhường, kín đáo với sự thoảng qua mong manh tố chất “vô vi” của tam giáo hòa trộn. Hình ảnh này trở thành sự biểu thị phẩm hạnh, sự tôn trọng và kính phục đức độ và trí tuệ của bà hoàng.

Ở các công trình kiến trúc với mật độ dày đặc chạm khắc tại lăng các bà hoàng thời Nguyễn ở Huế, ta thấy yếu tố địa văn hóa rõ nhất ở đặc điểm chất liệu đá. Đặc biệt, ở lăng các bà hoàng, minh chứng xác thực là chất liệu đá sa thạch khai thác ở các tỉnh Nam Trung Bộ đã từng được phổ biến ở Huế. Đá sa thạch phù hợp với thiết kế cấu trúc hương án, lan can, rồng bậc thêm, trong khi đá thanh ở Thanh Hóa nổi bật và thích ứng trong các mảng trang trí, tạo hình ở huyền cung, công bửu thành, rồng thành bậc... Ngoài ra, ở một số lăng, mặc dù trang trí trên đá không nhiều, nhưng với những trang trí hoa văn kỳ hà cô đọng ở hương án, cách chạm tạo dáng bàn thờ đá chân quỳ với nét hoa văn lật góc tinh nhã đã đem lại một hiệu ứng thị giác mạnh mẽ. Cá biệt, có lăng nay chỉ còn lại một không gian cô tịch của chiếc cổng thành và giò cũng đã là phế tích, nhưng cảm giác về sự lắng đọng, trường tồn lại hiện ra rất rõ nét bởi tính biểu cảm sự bền vững từ chất liệu đá đầy thuyết phục.

Qua các di vật và tác phẩm trang trí chạm khắc đá trong lăng tẩm, thành lũy ở Huế cũng có nhiều công trình kiến trúc với những phong cách trang trí tạo hình của các phường thợ, nhóm thợ, làng nghề chạm khắc nhau ở cả ba miền Nam Trung Bắc. Mỗi tẩm đá, mặt phẳng trang trí chạm khắc đã thể hiện rất rõ các cấu trúc trang trí, tạo hình, bố cục và tính biểu cảm thẩm mỹ. Cách thức chạm khắc đá ở các lăng bà hoàng có những biểu hiện khác nhau, có khi rất xa nhau về thời gian nhưng lại rất gần và đồng điệu về bút pháp. So sánh lăng Lê Thiên Anh – vợ của vua Tự Đức – được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX với lăng Thánh Cung, được xây vào nửa đầu thế kỷ XX, ta thấy hai công trình này có những đường nét, phong cách, bút pháp chạm khắc, các hoa văn rất gần nhau, đặc biệt là hình chạm chim phụng bằng chất liệu đá ở hương án có sự tương đồng về bút pháp, nhịp điệu và kỹ thuật chế tác, tạo hình. Trong khi so sánh 2 lăng cùng được xây dựng vào thời Thiệu Trị là lăng Hiếu Đông và lăng Thuận Thiên Cao hoàng hậu, thì ngoài những mặt tương đồng của phong cách chạm khắc đá thời kỳ này còn xuất hiện những biểu hiện cá biệt rất “xa” nhau ở sự diễn tả họa tiết, tiết diện và mật độ bố cục trang trí, nhiều cung bậc và các nét lật chuyển động. Trên mỗi trang trí đó, hình tượng rồng của hai lăng là rất đồng nhất. Vì vậy, ở góc độ địa văn hóa, có thể đặt ra giả thuyết phải chăng có nhiều phường thợ ở các vùng miền khác nhau cùng tham gia trang trí ở mỗi lăng. Trong đó có phường thợ được giao vai trò chủ đạo, thực hiện trang trí tổng thể và những phần quan trọng được thể hiện với mỗi chất liệu. Các giá trị văn hóa – mỹ thuật của dân tộc thường bị chi phối bởi chủ thể văn hóa – mỹ thuật và những điều kiện lịch sử xã hội. Tuy nhiên, phải thấy rằng: “Nếu các yếu tố dân tộc là kết quả của một quá trình phát triển lâu dài và có tính ổn định tương đối, thì đồng thời, chúng cũng không phải là bất biến, mà liên tục phát triển” [1, Tr. 362]. Các giá trị đó bao giờ cũng thể hiện dấu ấn đặc trưng của văn hóa lúa nước và cũng bị chi phối bởi dòng chảy “văn hóa gốc” trong lịch sử.

Trong quá trình thực hiện các thao tác cần thiết phù hợp với yêu cầu trong nghiên cứu nghệ thuật chạm khắc tại lăng các bà hoàng, chúng tôi sử dụng thao tác đầu tiên là điền dã, khảo sát tìm kiếm, nghiên cứu, đánh giá và so sánh các đặc trưng tạo hình, biểu hiện và giá trị

biểu cảm của các motif, họa tiết, hoa văn trong sự tương đồng và khác biệt, từ đó tìm ra đặc trưng tạo hình ở các vùng miền khác nhau qua các tác phẩm trang trí – tạo hình. Nổi bật là sự so sánh hoa văn rồng chạm ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn ở Huế như lăng Thuận Thiên Cao hoàng hậu, lăng Hiếu Đông với các lăng phía Bắc Trung Bộ là lăng Hoàng thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao (lăng Khôn Nguyên Chí Đức) là thân mẫu của vua Lê Thánh Tông tại Lam Kinh – Thanh Hóa. Dưới triều Lê, xét trên phương diện tổng thể vẫn lấy lăng mộ Lê Thái Tổ (Vĩnh Lăng) làm quy chuẩn, nghĩa là quy mô kích thước các lăng mộ ở Lam Kinh không được lớn hơn Vĩnh Lăng, cách bố cục của các lăng mộ ở đây tuân theo một thể thức: mộ hình vuông, có hai hàng tượng quan hầu và các con thú đứng châu, cách xa phía trước mộ dựng bia khắc chữ đặt trên lưng rùa, điều này không có ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn ở Huế. Tuy vậy, phong cách nghệ thuật tạo hình tại các lăng được xây dựng sau Vĩnh Lăng đã có sự thay đổi và chuyển hóa. Trong hệ thống lăng các bà hoàng ở Thanh Hóa, còn có lăng của bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền (1421–1505), là vợ của vua Lê Thánh Tông và mẹ của vua Lê Hiến Tông (tức là lăng Trường Lạc Hoàng), ở làng Đào Xá, xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Tại lăng có bia đá dựng vào năm 1525, kích thước bia tương đối lớn, trên bia có chạm ba con rồng lớn, xung quanh có các rồng con nhỏ hơn, nối tiếp nhau.

Trên bình diện đó, để tạo dựng nên những công trình nguy nga và bề thế ở Huế, nhà Nguyễn đã trưng tập các thợ giỏi từ mọi miền quê về Phú Xuân. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên nếu trong mỹ thuật thời Nguyễn nói chung và trong nghệ thuật chạm khắc nói riêng, ở lăng các bà hoàng xuất hiện những dấu hiệu, biểu tượng của mỹ thuật Champa, mỹ thuật thời Hậu Lê... Tuy nhiên, trên hết và đặc trưng rõ nét và những giá trị hoa văn có phong cách riêng của thời Nguyễn như kiểu chữ triện cách điệu hoa văn ở hương án tại lăng các bà là một phong cách tạo hình rất đặc trưng. Hơn thế, kiểu chữ triện đó đã trở thành kiểu hoa văn được chọn làm trang trí chính ở nhiều bao lam chùa Huế và trang trí sơn son thiếp vàng cung đình. Cách trang trí này đánh dấu một cột mốc đáng nhớ đối với mỹ thuật thời Nguyễn.

Nhìn từ góc độ địa văn hóa thì các hình tượng đó cũng có ý nghĩa đánh giá, khơi dậy những giá trị ẩn tồn, sâu kín, nội tại của mỹ thuật thời Nguyễn. Điều này càng thuyết phục hơn khi các bộ B.A.V.H từ năm 1914 đến 1944 hầu như đã sử dụng hoa văn theo lối cách điệu chữ triện vuông góc làm chữ trang bìa của nhiều số B.A.V.H. Đối với công chúng, khi nhìn vào lối trang trí đó thì họ liên tưởng ngay đến Huế và thời Nguyễn vì một phong cách mỹ thuật đặc trưng rõ nét, mặc dù về mặt cảm thụ thị giác vẫn còn rất đơn giản ở cấu trúc hoa văn chữ viết.

Việc đánh giá các giá trị sáng tạo trên nền tảng địa văn hóa đã mang lại những lợi ích và hiệu quả phù hợp nhằm làm sáng tỏ các sự vật và các hiện tượng thẩm mỹ chạm khắc ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn, đồng thời nó cô đọng, tụ lại ở các biểu tượng văn hóa nói chung và mỹ thuật nói riêng mà ở trong trang trí lăng các bà hoàng lại hiện ra rất rõ nét.

Đối với lĩnh vực mỹ thuật và trên tinh thần và quan điểm giả định về hoa văn và cấu trúc thông qua biểu tượng có tính xã hội, sự soi chiếu vào bên trong của hình ảnh trang trí trở nên sâu sắc và sáng tỏ hơn. Trong trường hợp này, việc giải mã các biểu tượng và các biến thể của từng đối tượng cụ thể, điển hình trong nghệ thuật chạm khắc tại lăng các bà hoàng thời Nguyễn là một sự cần thiết tất yếu để lý giải về ngọn nguồn sáng tạo và sự vận động, chuyển hóa của các phong cách nghệ thuật, thủ pháp trang trí tạo hình và kết quả biểu hiện của nó. Chính sự mở rộng và đa nghĩa của biểu tượng đã góp phần làm bộc lộ đậm nét hơn các hệ quả của giao thoa văn hóa nói chung và nét mới trong hoa văn, trang trí và kiểu thức tạo hình thời Nguyễn nói riêng. Trong đó, tại lăng các bà hoàng, những họa tiết trang trí chạm khắc đã phản ánh hệ quả giao thoa tiếp biến và hình thành một số biểu tượng nghệ thuật mang tinh thần Việt cụ thể. Như vậy, quá trình giao thoa văn hóa cũng là quá trình tiếp biến văn hóa một cách khách quan. Các biểu tượng mới phù hợp từ các nền văn hóa khác nhau bộc lộ và làm giàu thêm cho đời sống văn hóa nghệ thuật của dân tộc. Đối với chạm khắc trang trí đá ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn, có nhiều biểu tượng chỉ có thể giải mã trên quan điểm giao thoa văn hóa tiếp biến và dẫn tới sự định hình của những giá trị mới. Điều này có thể nhận ra ở một số họa tiết và hoa văn đặc trưng và thậm chí là ở một số đề tài trang trí đá ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn.

Chúng ta có thể đi đến tận cùng cội nguồn hình thành của một số đề tài, họa tiết trang trí chạm khắc ở mỗi công trình mỹ thuật thời Nguyễn, từ đó có cơ sở để khẳng định các giả thuyết hợp lý hay còn tồn nghi. Trong thực tế, những tồn nghi đó không còn nhiều nhưng cần được quan tâm, lý giải và tiếp tục đặt ra những vấn đề mới trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản mỹ thuật truyền thống của dân tộc.

Sự ẩn dụ bởi tinh thần bên trong của mỗi hình tượng nghệ thuật còn mang ý nghĩa về vẻ đẹp tinh thần, sự cao quý và ngợi ca, tôn vinh lớn lao những danh tước cao quý mà triều đình dành cho các bà hoàng thời Nguyễn trong dòng chảy mỹ thuật dân tộc.

3. Kết luận

Lịch sử đã chứng minh xứ Huế là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa và nhiều dòng chảy văn hóa; vì vậy, vùng đất này là nơi kết tụ tinh hoa của đất nước một thời mà đỉnh cao là thời Nguyễn. Những đặc trưng và truyền thống độc đáo, quý giá, đặc sắc và nổi bật mang nặng dấu ấn tâm linh về tính bền vững trong dòng chảy của mỹ thuật dân tộc thế kỷ XIX – nửa đầu thế kỷ XX cũng chính là sự đồng hành, tiếp nhận và thấm sâu tư tưởng văn hóa, thẩm mỹ và nghệ thuật của người Việt. Những dấu ấn vùng miền thể hiện quan niệm triết lý văn hóa phương Đông và Việt Nam thông qua các hình tượng mang tính biểu tượng cao. Đây cũng là kết quả của sự hội tụ, tích hợp, thẩm thấu và dung nạp trên cơ sở có chọn lọc trong ngữ cảnh tiếp biến văn hóa của người Việt (phía Bắc) và Champa. Phong cách mỹ thuật này đã hình thành trên nền tảng của sự phát triển với thành tựu đa dạng của mỹ thuật thời Nguyễn nói chung và tại các công trình kiến trúc lăng của các bà hoàng thời Nguyễn nói riêng. Đó cũng là một trong những

giá trị được hội tụ lâu dài trong quá trình lịch sử. Cũng chính trong quá khứ đầy biến động theo quy luật tự nhiên ấy, Huế đã hun đúc và tích hợp cho mình một nền văn hóa phong phú và đặc sắc, vừa có sự kế thừa những truyền thống văn hóa Thăng Long, vừa tiếp thu những yếu tố mới của văn hóa bản địa tại miền Trung, miền Nam và thế giới để từ đó khởi tạo cho mình một sắc thái thẩm mỹ đặc biệt, vừa có những nét chung, lại mang đậm bản sắc riêng biệt của *vùng văn hóa Huế*.

Chính những giá trị văn hóa – mỹ thuật truyền thống là tài sản vô giá của dân tộc nói chung và mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế nói riêng. Vì vậy, việc nhận ra và khẳng định các giá trị nghệ thuật trong dòng chảy mỹ thuật thời Nguyễn đã khó, nhưng bảo tồn và phát huy giá trị của chính mỗi công trình kiến trúc còn khó khăn và gian nan hơn. Tuy nhiên, điều đó đặt ra những yêu cầu bảo tồn cao hơn nhằm phát huy những thuộc tính ưu việt và các giá trị nghệ thuật. Việc thông qua các phương pháp, hướng tiếp cận phù hợp nhằm góp phần tôn vinh các giá trị nghệ thuật nói chung của dân tộc và trong đời sống thẩm mỹ đương đại là vấn đề khẩn thiết. Đó cũng là cơ sở khoa học làm tỏa sáng hơn những giá trị nghệ thuật đích thực quý giá của mỹ thuật cung đình thời Nguyễn nói chung và các giá trị nghệ thuật chạm khắc tại lăng các bà hoàng nói riêng, góp phần giữ gìn được bản sắc mỹ thuật truyền thống Huế trong dòng chảy nghệ thuật dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quân (2010), *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên, 1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, Nxb. Hội Nhà văn, Tp. Hồ Chí Minh.

CULTURE TRANSFORMATION THROUGH ART OF CARVING AND DECORATION AT TOMBS OF NGUYEN DYNASTY'S ROYAL LADIES

Tran Thi Hoai Diem

University of Arts, Hue University, 10 To Ngoc Van St., Hue, Vietnam

Abstract. Preservation and promotion of cultural-artistic values is an important task in the development of the country. During its existence, the Nguyen dynasty left behind a massive architectural heritage, not only on the imperial architecture and the king's tombs but also in the tombs of the dynasty's royal ladies. The article presents the origin, methods, materials, and expression of motifs carved in the tombs. The author also analyzes and compares the similarities and discrepancies of carving and decoration in tombs in Hue and those in the North and points out the interference and cultural acculturation between regions of the country. Thereby, the author suggests new issues concerning the preservation and promotion of the traditional artistic heritage values of the nation.

Keywords: art, carving, cultural acculturation, dynasty's royal ladies, Nguyen Dynasty